

Bản án số: 45/2024/HS-ST
Ngày 23/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Quang Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Kim Phong và ông Lương Mạnh Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Kim Dung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2024 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HS, ngày 10 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 06/10/1984 tại thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ G, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn B và bà Nguyễn Thị D; có vợ là Lý Thị Thanh T1, có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2024; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2023 đến 08/8/2023 hiện đang tại ngoại tại địa phương. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thị N (Tên gọi khác: Trần Thị H), sinh ngày 11/12/1968 tại tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ H, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Như T2 và bà Đào Thị Q (Đều đã chết); Có chồng là Nguyễn Văn M (Đã chết); Có 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2023 đến 08/8/2023 hiện đang tại ngoại tại địa phương. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lãnh Thị G (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 23/4/1966 tại tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ H, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc

Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 10/10; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lãnh Long T3 và bà Hà Thị M1 (Đều đã chết); Có chồng là Nguyễn Văn C (Đã ly hôn); con: có 01 con, sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/5/2023 đến 27/6/2023 hiện đang tại ngoại tại địa phương. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Triệu Xuân H1 (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 28/8/1989 tại tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ C, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Triệu Văn T4 và bà Vy Thị N1; Vợ, con: Không có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/5/2023 đến 27/6/2023 hiện đang tại ngoại tại địa phương. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lý Thị Thanh T1, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ G, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

2. Bà Đặng Thị H2, sinh năm 1965, HKTT tại tổ H, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; tạm trú tại tổ E, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

3. Ông Phùng Văn T5, sinh năm 1997, trú tại tổ E, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 26/5/2023, phòng C6 Công an tỉnh B nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc có nhiều đối tượng tại địa bàn thành phố B, tỉnh Bắc Kạn có biểu hiện hoạt động đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại di động. Sau khi nhận tin báo, hồi 18 giờ 45 phút cùng ngày Phòng C6 đã thành lập các tổ công tác phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành xác minh lập biên bản sự việc đối với các đối tượng có liên quan đến hành vi đánh bạc.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B đã tiến hành khám xét khẩn cấp đối với Hoàng Văn T, sinh năm 1984, trú tại tổ G, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Đặng Thị H2, sinh năm 1965, thường trú tại tổ H, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; tạm trú tại tổ E, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Trần Thị N, sinh năm 1968, trú tại tổ H, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Hoàng Thị L, sinh năm 1968, trú tại tổ E, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn về hành vi đánh bạc. Kết quả khám xét đã phát hiện, tạm giữ một số đồ vật, tài liệu, tài

sản có liên quan đến hành vi đánh bạc và tiến hành kiểm tra, xác minh làm rõ hành vi của các đối tượng có liên quan.

* Về phương thức đánh bạc:

Các bị cáo và người tham gia đánh bạc đã thỏa thuận sử dụng điện thoại di động nhắn tin cho nhau để mua bán số lô, số đề. Sau khi bên bán nhận được tin nhắn thì sẽ nhắn tin trả lời lại là “Ok” thể hiện là đồng ý.

Hình thức đánh bạc thông qua mua bán số lô, số đề, có thể chọn những hình thức đánh là đề hoặc lô và các hình thức cụ thể sẽ có quy định tỷ lệ thắng, thua như sau:

- Đối với số đề: người mua chọn con số bất kỳ từ 00 đến 99, khi có kết quả xổ số miền B mở thưởng trong ngày thì đối chiếu, nếu số đã mua trùng với hai chữ số cuối của giải đặc biệt thì là trúng đề, còn lại là không trúng. Nếu trúng đề thì người bán số đề phải trả thưởng cho người mua theo tỉ lệ 1 ăn 70 tức là trả thưởng số tiền 70.000đ (bảy mươi nghìn đồng), nếu số trúng thưởng được người chơi mua với số tiền là 1.000đ (một nghìn đồng).

- Đối với số lô: người mua chọn con số bất kỳ từ 00 đến 99, khi có kết quả xổ số miền B mở thưởng trong ngày thì đối chiếu, nếu số đã mua trùng với hai chữ số cuối của bất kỳ giải nào (từ giải đặc biệt đến giải bảy) thì là trúng lô, còn lại là không trúng. Nếu trúng một điểm lô (tiền mua mỗi điểm lô do bên bán và bên mua tự thỏa thuận) thì người bán số lô phải trả thưởng cho người mua là 80.000đ (tám mươi nghìn đồng).

Tất cả các hình thức đánh lô, đề nếu không trúng thưởng thì người mua phải trả toàn bộ số tiền đánh cho người bán số lô, số đề; trường hợp nào được chiết khấu tiền mua các số đề thì người mua phải trả toàn bộ số tiền thực tế sau khi đã trừ tiền % được chiết khấu từ số tiền đánh cho người bán các số đề.

Quá trình điều tra đối với các bị cáo xác định được như sau:

1. Đối với hành vi mua bán số lô, số đề của Hoàng Văn T với Trần Thị N (tên gọi khác Trần Thị H), Triệu Xuân H1.

* Hoàng Văn T bán các số lô, số đề cho Trần Thị N:

Do có quen biết với nhau, Hoàng Văn T và Trần Thị N đã trao đổi, thống nhất với nhau về việc mua bán số lô, số đề. Sau đó, hàng ngày Hoàng Văn T sử dụng số điện thoại di động 0394.902.382 nhận tin nhắn từ số điện thoại di động 0382.985.890 của bị cáo Trần Thị N để mua bán các số lô, số đề với nhau, cụ thể như sau:

Ngày 26/5/2023 T bán nhiều số lô, số đề cho Trần Thị N với tổng số tiền là 24.020.000đ (hai mươi bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó: số tiền bán số đề là 15.220.000đ (mười lăm triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng); số tiền bán số lô là 8.800.000đ (tám triệu tám trăm nghìn đồng). Sau khi có kết quả xổ số Trần Thị N trúng thưởng với tổng số tiền là 14.300.000đ (mười bốn triệu

ba trăm nghìn đồng), Trong đó, trúng số đề 91 = 90.000đ x 70.000đ bằng số tiền là 6.300.000đ (sáu triệu ba trăm nghìn đồng); trúng số lô 91 = 100 điểm x 80.000đ bằng số tiền là 8.000.000đ (tám triệu đồng)

Tổng số tiền T đánh bạc (gồm cả tiền đánh và tiền trúng số) với Trần Thị N trong ngày 26/5/2023 là 38.320.000đ (ba mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

* Hoàng Văn T bán các số lô, số đề cho Triệu Xuân H1:

Do có mối quan hệ xã hội quen biết với nhau, Triệu Xuân H1 đã đặt vấn đề mua các số lô, số đề với bị cáo T và được T đồng ý. Sau đó, hàng ngày bị cáo Hoàng Văn T sử dụng tài khoản facebook “Thai Hoang V” nhắn tin với tài khoản facebook “Huấn Triệu” của bị cáo Triệu Xuân H1 qua ứng dụng messenger facebook để bán các số lô, số đề cho bị cáo H1.

Ngày 26/5/2023 T tổ chức đánh bạc với bị cáo H1 với tổng số tiền là 5.800.000đ (năm triệu tám trăm nghìn đồng), gồm: tiền mua bán các số đề là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), không trúng số đề; mua bán 100 (một trăm) điểm lô (23.000 đồng/điểm) tương ứng số tiền 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng), trúng số lô 95, 20 = 40 (bốn mươi) điểm x 80.000đ bằng số tiền 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền bị cáo Hoàng Văn T đánh bạc với Trần Thị N và Triệu Xuân H1 (gồm cả tiền chơi và tiền trúng thưởng) trong ngày 26/5/2023 là 44.120.000đ (bốn mươi bốn triệu một trăm hai mươi nghìn đồng). Sau khi nhận các tin nhắn mua các số lô, số đề của H1, N thì T chuyển toàn bộ các số lô, số đề cho một người đàn ông không biết lai lịch chỉ biết tên D1 sử dụng số điện thoại 0852.077.369 và 0862.255.562 cùng tài khoản Ngân hàng TMCP H5 số 24086011120762 mang tên “PHAM PHU DUNG”, nhà ở thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Ngoài ngày 26/5/2023, bị cáo Hoàng Văn T có 13 (mười ba) ngày nhận tin nhắn bán số lô, số đề với bị cáo Triệu Xuân H1 với tổng số tiền đánh bạc là 38.900.000đ (ba mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng), cụ thể:

- Ngày 13/5/2023: tổng số tiền đánh bạc là 2.900.000đ (hai triệu chín trăm nghìn đồng), trong đó số tiền đánh là 1.300.000đ và tiền trúng thưởng số lô 03, 12 = 20 điểm x 80.000đ = 1.600.000đ

- Ngày 14/5/2023: tổng số tiền đánh bạc là 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó số tiền đánh là 1.200.000đ và tiền trúng thưởng số lô 53 = 20 điểm x 80.000đ = 1.600.000đ

- Ngày 15/5/2023: tổng số tiền đánh bạc là 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng); trong đó số tiền đánh là 1.500.000đ và tiền trúng thưởng số lô 58 = 10 điểm x 80.000đ = 800.000đ

- Ngày 16/5/2023: tổng số tiền đánh bạc là 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng), không trúng thưởng
- Ngày 17/5/2023: tổng số tiền đánh bạc là 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng), không trúng thưởng.
- Ngày 18/5/2023: tổng số tiền đánh bạc là 2.850.000đ (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó số tiền đánh là 1.250.000đ và tiền trúng thưởng số lô 27, 37 = 20 điểm x 80.000đ = 1.600.000đ
- Ngày 19/5/2023: tổng số tiền đánh bạc là 3.000.000đ (ba triệu đồng) không trúng thưởng.
- Ngày 20/5/2023 T đánh bạc với H1 với tổng số tiền: 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm nghìn đồng), gồm: tổng số tiền bán các số đề là 200.000 đồng (không trúng số); bán 100 (một trăm) điểm lô (23.000 đồng/điểm) tương ứng số tiền 2.300.000 đồng, H1 trúng số lô 79, 34 = 40 (bốn mươi) điểm x 80.000 tương ứng số tiền 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng).
- Ngày 21/5/2023: tổng số tiền đánh bạc là 1.150.000đ (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), không trúng thưởng.
- Ngày 22/5/2023: tổng số tiền đánh bạc là 1.950.000đ (một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó số tiền đánh là 1.150.000đ và tiền trúng thưởng số lô 65 = 10 điểm x 80.000đ = 800.000đ
- Ngày 23/5/2023: tổng số tiền đánh bạc là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), không trúng thưởng.
- Ngày 24/5/2023 T đánh bạc với H1 tổng số tiền là: 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm nghìn đồng), gồm: tiền bán các số đề là 400.000 đồng, trúng số đề 66 = 20.000đ x 70.000đ bằng số tiền 1.400.000 đồng; bán 100 (một trăm) điểm lô (23.000 đồng/điểm) tương ứng số tiền 2.300.000 đồng, trúng số lô 64 = 20 (hai mươi) điểm x 80.000đ bằng số tiền 1.600.000 đồng).
- Ngày 25/5/2023 T đánh bạc với H1 tổng số tiền là: 7.250.000đ (bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), gồm: tiền bán các số đề là 150.000 đồng (không trúng); bán 100 (một trăm) điểm lô (23.000 đồng/điểm) tương ứng số tiền 2.300.000 đồng, trúng số lô 84 = 60 (sáu mươi) điểm x 80.000đ bằng số tiền 4.800.000 (bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

Hành vi bán số lô, số đề cho Trần Thị N và Triệu Xuân H1 và nhận tiền rồi chuyển cho người đàn ông tên D1, mục đích là hưởng tiền hoa hồng theo thỏa thuận với D1. Khi trúng thưởng T nhận tiền từ D1 rồi trả thưởng cho N, H1 theo tỷ lệ thỏa thuận. Ngày 26/5/2023 tổng số tiền đánh bạc của T với N và H1 là 44.120.000đ (bốn mươi bốn triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) và hành vi Hoàng Văn T bán số lô, số đề các ngày 20/5/2023, 24/5/2023, 25/5/2023 cho H1 rồi chuyển cho người đàn ông tên D1 đều trên 5.000.000đ đủ yếu tố cấu thành

tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 322 Bộ luật hình sự.

* Hành vi đánh bạc của bị cáo Triệu Xuân H1 các ngày 20/5/2023, 24/5/2023, 25/5/2023, 26/5/2023 với Hoàng Văn T đều trên 5.000.000đ đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật hình sự

* Hành vi đánh bạc của bị cáo Trần Thị N ngày 26/5/2023 với Hoàng Văn T, số tiền là 38.320.000đ (*ba mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*) đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật hình sự

2. Đối với hành vi mua bán số đề của bị cáo Trần Thị N với Lãnh Thị G

Do có mối quan hệ quen biết với nhau, Lãnh Thị G đã đặt vấn đề mua các số đề với bị cáo N. Sau khi được N đồng ý, hàng ngày bị cáo N sử dụng số điện thoại di động 0382.985.890 nhắn tin với số điện thoại di động 0973.953.070 của Lãnh Thị G để bán các số đề cho bị cáo G, cụ thể:

Ngày 23/5/2023 Trần Thị N đánh bạc với Lãnh Thị G với tổng số tiền là: 7.970.000đ (*bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng*), gồm: tiền mua bán nhiều số đề là 7.970.000 đồng, G không trúng số.

Ngày 24/5/2023 Trần Thị N đánh bạc với Lãnh Thị G với tổng số tiền là: 18.750.000đ (*mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), gồm: tiền mua bán nhiều số đề là 9.650.000 đồng, G trúng số $66 = 130.000 \text{ đ} \times 70.000\text{đ}$ bằng số tiền 9.100.000 đồng.

Ngày 25/5/2023, Trần Thị N bán nhiều số đề cho Lãnh Thị G, tổng số tiền là 8.960.000 đồng, G trúng số đề $19 = 280.000\text{đ} \times 70.000\text{đ}$ bằng số tiền 19.600.000 đồng (*mười chín sáu trăm nghìn đồng*). Tổng số tiền là 28.560.000đ (*hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*)

Sau đó Trần Thị N tổng hợp rồi chuyển đến số điện thoại di động 0522.460.585 của Đặng Thị H2, sinh năm 1965, đăng ký HKTT tại tổ H, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; tạm trú tại tổ E, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Mục đích là để hưởng tiền hoa hồng theo thỏa thuận.

Hành vi bán số đề cho Lãnh Thị G và nhận tiền rồi chuyển cho Đặng Thị H2, mục đích là hưởng tiền hoa hồng theo thỏa thuận với H2. Khi trúng thưởng N nhận tiền từ H2 rồi trả thưởng cho G theo tỷ lệ thỏa thuận. Ngày 25/5/2023 tổng số tiền đánh bạc của N với G là 28.560.000đ (*hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*), và các ngày 23/5/2023, 24/5/2023, 26/5/2023 Na bán số đề cho Lãnh Thị G rồi chuyển cho Đặng Thị H2 đều trên 5.000.000đ, hành vi của Trần Thị N đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 322 Bộ luật hình sự.

Hành vi đánh bạc của bị cáo Lãnh Thị G các ngày 23/5/2023, 24/5/2023, 25/5/2023, 26/5/2023 đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật hình sự

Các số đề, số lô cụ thể các bị cáo mua bán được thống kê tại phụ lục kèm theo kết luận điều tra.

* Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc với nhau và lợi nhuận được hưởng

- Đối với việc mua bán số lô, số đề giữa bị cáo Hoàng Văn T với bị cáo Trần Thị N vào ngày 26/5/2023:

Tiền mua bán số lô, số đề: tiền mua bán số đề là 15.220.000đ (*mười lăm triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*). T chiết khấu cho N 27% nên số tiền thực tế là 11.110.600đ (*mười một triệu một trăm mười nghìn sáu trăm đồng*); tiền mua bán số lô là 8.800.000đ (*tám triệu tám trăm nghìn đồng*), mỗi điểm lô T bán cho N với giá 22.000đ (*hai mươi hai nghìn đồng*). Tổng số tiền T và N mua bán số lô, số đề với nhau là 24.020.000đ (*hai mươi bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*); tổng số tiền trên thực tế N phải trả cho T là 19.910.600đ (*mười chín triệu chín trăm mười nghìn sáu trăm đồng*).

Tiền trúng thưởng: tiền trúng thưởng đề là 6.300.000đ (*sáu triệu ba trăm nghìn đồng*); tiền trúng thưởng lô là 8.000.000đ (*tám triệu đồng*). Tổng số tiền trúng thưởng lô, đề là 14.300.000đ (*mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng*).

Do số tiền N bỏ ra mua các số lô, số đề nhiều hơn số tiền trúng thưởng, do vậy T được hưởng lợi số tiền là: $19.910.600đ - 14.300.000đ = 5.610.600đ$ (*năm triệu sáu trăm mười nghìn sáu trăm đồng*).

Ngày 26/5/2023, sau khi có kết quả xổ số miền B thì hành vi đánh bạc của Hoàng Văn T và Trần Thị N mới bị phát hiện nhưng do hai bị cáo đều chưa thanh toán tiền cho nhau nên thực tế bị cáo T chưa được hưởng lợi từ việc đánh bạc.

- Đối với việc mua bán số lô, số đề giữa bị cáo Hoàng Văn T với bị cáo Triệu Xuân H1 vào các ngày: 20/5/2023, 24/5/2023, 25/5/2023, 26/5/2023:

Ngày 20/5/2023:

+ Tiền mua bán các số lô, số đề: tiền mua bán các số đề là 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*); tiền mua bán các số lô là 2.300.000đ (*hai triệu ba trăm nghìn đồng*). Tổng số tiền mua bán các số lô, số đề là 2.500.000đ (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

+ Tiền trúng thưởng: Huân không trúng thưởng đề; trúng thưởng 40 (bốn mươi) điểm lô tương ứng số tiền 3.200.000đ (*ba triệu hai trăm nghìn đồng*).

Do số tiền H1 trúng thưởng nhiều hơn số tiền H1 bỏ ra mua các số lô, số đề, do vậy H1 được hưởng lợi số tiền là: $3.200.000đ - 2.300.000đ = 900.000đ$ (*chín trăm nghìn đồng*).

Ngày 24/5/2023:

+ Tiền mua bán các số lô, số đề: tiền mua bán các số đề là 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng); tiền mua bán các số lô là 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng). Tổng số tiền mua bán các số lô, đề là 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

+ Tiền trúng thưởng: Huân trúng thưởng 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) tiền đề tương ứng số tiền 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng); trúng thưởng 20 (hai mươi) điểm lô tương ứng số tiền 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng). Tổng số tiền trúng thưởng lô, đề là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Do số tiền H1 trúng thưởng nhiều hơn số tiền H1 bỏ ra mua các số lô, số đề, do vậy H1 được hưởng lợi số tiền là: $3.000.000đ - 2.700.000đ = 300.000đ$ (ba trăm nghìn đồng).

Ngày 25/5/2023:

+ Tiền mua bán các số lô, số đề: tiền mua bán các số đề là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng); tiền mua bán các số lô là 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng). Tổng số tiền mua bán các số lô, số đề là 2.450.000đ (hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Tiền trúng thưởng: Huân không trúng thưởng đề, trúng thưởng 60 (sáu mươi) điểm lô tương ứng số tiền 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

Do số tiền H1 trúng thưởng nhiều hơn số tiền H1 bỏ ra mua các số lô, số đề, do vậy H1 được hưởng lợi số tiền là: $4.800.000đ - 2.450.000đ = 2.350.000đ$ (hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngày 26/5/2023:

+ Tiền mua bán các số lô, số đề: tiền mua bán các số đề là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); tiền mua bán các số lô là 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng). Tổng số tiền mua bán các số lô, số đề là 2.600.000đ (hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

+ Tiền trúng thưởng: Huân không trúng thưởng đề, trúng thưởng 40 (bốn mươi) điểm lô tương ứng số tiền 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Do số tiền H1 trúng thưởng nhiều hơn số tiền H1 bỏ ra mua các số lô, số đề, do vậy H1 được hưởng lợi số tiền là: $3.200.000đ - 2.600.000đ = 600.000đ$ (sáu trăm nghìn đồng).

Toàn bộ các ngày: 20/5/2023, 24/5/2023, 25/5/2023, 26/5/2023 bị cáo Hoàng Văn T và Triệu Xuân H1 đều chưa thanh toán tiền mua bán các số lô, số đề và tiền thắng thua cho nhau nên thực tế bị cáo H1 chưa được hưởng lợi từ việc đánh bạc.

- Đối với việc mua bán số đề giữa bị cáo Trần Thị N với bị cáo Lãnh Thị G vào các ngày: 23/5/2023, 24/5/2023, 25/5/2023, 26/5/2023:

Ngày 23/5/2023:

+ Tiền mua số đề: 7.970.000đ (*bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng*).
Na chiết khấu cho G 27% nên số tiền thực tế G phải trả cho N là 5.818.100đ (*năm triệu tám trăm mười tám nghìn một trăm đồng*).

+ Tiền trúng thưởng: Không.

Do G không trúng thưởng nên Trần Thị N được hưởng lợi số tiền là: 5.818.100đ (*năm triệu tám trăm mười tám nghìn một trăm đồng*).

Ngày 24/5/2023:

+ Tiền mua số đề: 9.650.000đ (*chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).
Na chiết khấu cho G 27% nên số tiền thực tế G phải trả cho N là 7.044.500đ (*bảy triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng*).

+ Tiền trúng thưởng: G trúng thưởng 130.000đ (*một trăm ba mươi nghìn đồng*) tiền đề tương ứng số tiền 9.100.000đ (*chín triệu một trăm nghìn đồng*).

Do số tiền G trúng thưởng nhiều hơn số tiền thực tế G bỏ ra mua số đề nên G được hưởng lợi số tiền là: $9.100.000đ - 7.044.500đ = 2.055.500đ$ (*hai triệu không trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng*).

Ngày 25/5/2023:

+ Tiền mua số đề: 8.960.000đ (*tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*).
Na chiết khấu cho G 27% nên số tiền thực tế G phải trả cho N là 6.540.800đ (*sáu triệu năm trăm bốn mươi nghìn tám trăm đồng*).

+ Tiền trúng thưởng: G trúng thưởng 280.000đ (*hai trăm tám mươi nghìn đồng*) tiền đề tương ứng số tiền 19.600.000đ (*mười chín triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Do số tiền G trúng thưởng nhiều hơn số tiền thực tế G bỏ ra mua số đề nên G được hưởng lợi số tiền là: $19.600.000đ - 6.540.800đ = 13.059.200đ$ (*mười ba triệu không trăm năm mươi chín nghìn hai trăm đồng*).

Ngày 26/5/2023:

+ Tiền mua số đề: 8.810.000đ (*tám triệu tám trăm mười nghìn đồng*). Na chiết khấu cho G 27% nên số tiền thực tế G phải trả cho N là 6.431.300đ (*sáu triệu bốn trăm ba mươi một nghìn ba trăm đồng*).

+ Tiền trúng thưởng: G trúng thưởng 30.000đ (*ba mươi nghìn đồng*) tiền đề tương ứng số tiền 2.100.000đ (*hai triệu một trăm nghìn đồng*).

Do số tiền G trúng thưởng ít hơn số tiền thực tế G bỏ ra mua số đề nên Trần Thị N được hưởng lợi số tiền là: $6.431.300đ - 2.100.000đ = 4.331.300đ$ (*bốn triệu ba trăm ba mươi một nghìn ba trăm đồng*).

Toàn bộ các lần đánh bạc vào các ngày 23/5/2023, 24/5/2023, 25/5/2023 thì bị cáo Trần Thị N và bị cáo Lãnh Thị G đã thanh toán tiền mua bán các số đề và tiền thắng thua cho nhau. Còn đối với lần đánh bạc vào ngày 26/5/2023, sau khi có kết quả xổ số miền B thì hành vi đánh bạc của Trần Thị N và Lãnh Thị G

bị phát hiện nên chưa thanh toán tiền cho nhau, bị cáo N chưa được hưởng lợi từ việc đánh bạc.

Cơ quan điều tra đã tiến hành mở, kiểm tra điện thoại của các bị cáo và các đối tượng liên quan để xác định rõ hành vi đánh bạc và Quyết định trưng cầu giám định điện thoại của các bị cáo và người có liên quan theo quy định.

Kết luận giám định số 1478/KL-KTHS ngày 28/5/2023 của Phòng C6 Công an tỉnh V, kết luận việc khôi phục, trích xuất dữ liệu điện thoại Trần Thị Na .

Kết luận giám định số 2273/KL-KTHS ngày 18/8/2023 của Phòng C6 Công an tỉnh V, kết luận việc khôi phục, trích xuất dữ liệu điện thoại Hoàng Văn T.

Kết luận giám định số 2274/KL-KTHS ngày 18/8/2023 của Phòng C6 Công an tỉnh V, kết luận việc khôi phục, trích xuất dữ liệu điện thoại Triệu Xuân H1.

Kết luận giám định số 2279/KL-KTHS ngày 18/8/2023 của Phòng C6 Công an tỉnh V, kết luận việc khôi phục, trích xuất dữ liệu điện thoại Trần Thị Na .

Kết luận giám định số 2268/KL-KTHS ngày 18/8/2023 của Phòng C6 Công an tỉnh V, kết luận việc khôi phục, trích xuất dữ liệu điện thoại Lãnh Thị G.

Kết luận giám định số 2774/KL-KTHS ngày 11/10/2023 của Phòng C6 Công an tỉnh V, kết luận việc khôi phục, trích xuất dữ liệu điện thoại Đặng Thị H2.

Quá trình điều tra, các bị cáo Hoàng Văn T, Trần Thị N (tên gọi khác Trần Thị H), Triệu Xuân H1, Lãnh Thị G đã thành khẩn khai nhận hành vi của bản thân, lời khai của bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản cáo trạng số 17/CT-VKSBK-P1 ngày 19/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Thị N (tên gọi khác: Trần Thị H) phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự và tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lãnh Thị G, Triệu Xuân H1 phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Điều 321 Bộ luật Hình sự có nội dung:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này

hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Điều 322 Bộ luật Hình sự có nội dung:

“1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc ..., thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

... c) Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên;

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo.

* Về trách nhiệm hình sự:

Đề nghị HĐXX tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Thị N (tên gọi khác: Trần Thị H) phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự và tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lãnh Thị G, Triệu Xuân H1 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; khoản 1, 4 Điều 322; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Điều 38 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị N từ **03 đến 06** tháng tù về tội đánh bạc; từ **09 đến 12** tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc. Phạt bổ sung từ **20 đến 30** triệu đồng.

Áp dụng Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt chung của hai tội đề nghị xử phạt bị cáo N từ **12 đến 18** tháng tù.

2. Áp dụng khoản 1, 4 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Điều 65 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 36 tháng

Phạt bổ sung 20.000.000đ đến 30.000.000đ

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; đề nghị xử phạt bị cáo Lãnh Thị G từ 50.000.000đ đến 70.000.000đ

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; đề nghị xử phạt bị cáo Triệu Xuân H1 từ 50.000.000đ đến 70.000.000đ

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015 và Điều 106/BLTTHS 2015:

+ Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone XS, màu đen, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong gắn sim số điện thoại 0394.902.382 (*tạm giữ của Hoàng Văn T*); 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Promax, màu vàng đồng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong gắn sim số điện thoại 0979.486.556 (*tạm giữ của Hoàng Văn T*); 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J4, màu đen, màn hình cảm ứng, màn hình bên phải bị nứt vỡ một phần, đã qua sử dụng, bên trong gắn 01 sim chưa xác định số điện thoại (*tạm giữ của Hoàng Văn T*); 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 Promax, màu xanh, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0984.194.158 (*tạm giữ của Triệu Xuân H1*); 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A04, màu hồng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0363.728.835 (*tạm giữ của Trần Thị N*); 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J7, màu vàng đồng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0382.985.890 (*tạm giữ của Trần Thị N*); 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A50, màu xanh, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0915.515.521 (*tạm giữ của Trần Thị N*); 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A04, màu xanh dương, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0973.953.070 (*tạm giữ của Lãnh Thị G*).

+ Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo G 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A73, màu xanh, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0912.748.788 (*tạm giữ của Lãnh Thị G*);

+ Chuyển lưu theo HSVA các giấy tờ liên quan hành vi đánh bạc: 01 quyển vở ô ly nhãn hiệu Hải Tiến (*tạm giữ của Hoàng Văn T*); 01 quyển sổ hình chữ nhật, dưới góc phải ngoài bìa có dòng chữ “SỔ QUÀ TẶNG GIFT A6/200TR” (*tạm giữ của Hoàng Văn T*); 01 quyển sổ hình chữ nhật, dưới góc phải ngoài bìa có dòng chữ “Reward 320 trang MS3347” (*tạm giữ của Hoàng Văn T*); 01 quyển sổ hình chữ nhật, ngoài bìa có dòng chữ “Composition Book A4 Ms:899” (*tạm giữ của Hoàng Văn T*); 03 tờ giấy A4 có các dòng kẻ có nhiều chữ và số viết tay (*tạm giữ của Hoàng Văn T*); 01 tờ giấy đôi có các dòng kẻ ô ly, có nhiều chữ và số viết tay (*tạm giữ của Hoàng Văn T*);

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bút bi nhãn hiệu deli, màu xám đen, mực màu đen (tạm giữ của Hoàng Văn T).

- Tạm giữ số tiền 27.050.000đ (hai mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tạm giữ của bị cáo Hoàng Văn T để đảm bảo thi hành án cho bị cáo T.

- Tạm giữ số tiền: 2.000.000đ (hai triệu đồng) tạm giữ của bị cáo Trần Thị N và số tiền 10.000.000đ bị cáo N nộp tại Cục THADS tỉnh để đảm bảo thi hành án cho bị cáo N. Tạm giữ số tiền: 10.000.000đ bị cáo Lãnh Thị G nộp tại Cục THADS tỉnh để đảm bảo thi hành án cho bị cáo G.

- Tiếp tục phong tỏa tài khoản 39510000327521 của Trần Thị N tại ngân H6 chi nhánh tỉnh Bắc Kạn, số tiền 1.962.389 đồng (một triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm tám mươi chín đồng) để đảm bảo thi hành án.

- Tiếp tục phong tỏa tài khoản 109867513106 của Hoàng Văn T tại N6 chi nhánh tỉnh Bắc Kạn, số tiền 37.720.340đ (ba mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi nghìn ba trăm bốn mươi đồng) để đảm bảo thi hành án.

* Truy thu số tiền đối với các bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước.;

Truy thu bị cáo Hoàng Văn T số tiền 24. 180.000đ (Hai mươi tư triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng).

Truy thu bị cáo Trần Thị Na s tiền: 52.720.000đ (Năm mươi hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Truy thu bị cáo Triệu Xuân H1 số tiền đánh bạc: 10.250.000đ (Mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Truy thu bị cáo Lãnh Thị G số tiền đánh bạc: 26.580.000đ (Hai mươi sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

* Về án phí: Các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội đúng quy định của pháp luật, không oan. Đề nghị HĐXX xem xét xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (Viết tắt HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến

hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua xét hỏi công khai tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở khẳng định:

Trong khoảng từ ngày 20/5/2023 đến ngày 26/5/2023 tại thành phố B, Hoàng Văn T có hành vi tổ chức đánh bạc, Trần Thị N có hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc, Triệu Xuân H1, Lãnh Thị G có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề qua tin nhắn và ứng dụng facebook trên điện thoại di động, cụ thể:

Tổng số tiền bị cáo Hoàng Văn T tổ chức đánh bạc với Triệu Xuân H1 ngày 20/5/2023 là: 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm nghìn đồng); ngày 24/5/2023 là: 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm nghìn đồng); ngày 25/5/2023 là: 7.250.000đ (bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); ngày 26/5/2023 là 5.800.000đ (năm triệu tám trăm nghìn đồng); đánh bạc với Trần Thị N tổng số tiền là 38.320.000đ (ba mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng số tiền T tổ chức đánh bạc với H1 và N là 62.770.000đ (sáu mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền đánh bạc của Triệu Xuân H1 là 24.720.000 (hai mươi tư triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng), gồm: ngày 20/5/2023 là 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm nghìn đồng); ngày 24/5/2023 là 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm nghìn đồng); ngày 25/5/2023 là 7.250.000đ (bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); ngày 26/5/2023 là 5.800.000đ (năm triệu tám trăm nghìn đồng).

Trần Thị N tổ chức đánh bạc với Lãnh Thị G ngày 23/5/2023 số tiền là: 7.970.000đ (bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng); ngày 24/5/2023 số tiền là: 18.750.000đ (mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); ngày 25/5/2023 số tiền là 28.560.000đ (hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng); ngày 26/5/2023 số tiền là 10.910.000đ (mười triệu chín trăm mười nghìn đồng). Tổng số tiền Trần Thị N tổ chức đánh bạc với G là 66.190.000đ (sáu mươi sáu triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền Trần Thị N đánh bạc với Hoàng Văn T là 38.320.000đ (ba mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng)

Hành vi Bán số lô, đề cho các bị cáo đánh bạc của Hoàng Văn T đã phạm tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Hành vi bán số lô, đề của Trần Thị N (tên gọi khác: Trần Thị H) đối với Lãnh Thị G đã phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và hành vi mua số lô, số đề của bị cáo N với Hoàng Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1

Điều 321 và điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Hành vi mua số lô, số đề qua tin nhắn và ứng dụng facebook trên điện thoại di động của Triệu Xuân H1 đối với Hoàng Văn T và Lãnh Thị G đối với Trần Thị N đã phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Kháng định Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là vi phạm quy định của pháp luật, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần thiết phải xử lý nghiêm khắc mới đảm bảo răn đe, giáo dục các bị cáo.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Triệu Xuân H1, Lãnh Thị G phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Hoàng Văn T, Trần Thị N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả 4 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình do đó, đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Triệu Xuân H1 có ông nội là Triệu Văn N2 được Chủ tịch nước Cộng hòa X1 tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ; có ông ngoại là Vi Văn T6 được Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa X1 tặng thưởng Huy chương kháng chiến; vì vậy được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Bị cáo Trần Thị N do tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tố giác tội phạm có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Ngoài ra có bố đẻ là ông Trần Như T2 được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, có bác ruột là liệt sĩ Đào Xuân K đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bên cạnh đó trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo nộp khoản tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn thể hiện sự ăn năn, hối cải đối với hành vi phạm tội của bị cáo, có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của UBND phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn vì vậy được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án*” quy định tại điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lãnh Thị G có bố đẻ là ông Lãnh Long T3 được Nhà nước tặng thưởng huân chương độc lập hạng ba, huân chương chiến sĩ vẻ vang, huân chương chiến thắng hạng hai, bên cạnh đó trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo

nộp khoản tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn thể hiện sự ăn năn, hối cải đối với hành vi phạm tội của bị cáo vì vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Hoàng Văn T có ông là Hoàng N3 được tặng huân chương chiến sĩ giải phóng, ông Hoàng Văn C1 là bác ruột của bị cáo có giấy chứng nhận được tặng huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng 2, ông nội của bị cáo là ông Hoàng Văn C2 là thương binh, được nhà nước tặng huân huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng 2, bị cáo có đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của UBND phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn vì vậy được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

[5] Xét vai trò và mức độ chịu trách nhiệm hình sự của từng bị cáo:

Bị cáo Hoàng Văn T giữ vai trò chính trong việc tổ chức cho các bị cáo trong vụ án đánh bạc, tuy nhiên số tiền đánh bạc không lớn, trong vụ án bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và không phải chịu tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, đủ khả năng tự cải tạo nên xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn mà chỉ cần phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng là đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Trần Thị Na n hành vi tổ chức đánh bạc, còn trực tiếp tham gia đánh bạc nên cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn một thời gian nhất định mới đảm bảo răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên bị cáo N có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo nộp trước một khoản tiền để đảm bảo thi hành án vì vậy khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ đối với bị cáo N.

Các bị cáo Lãnh Thị G, Triệu Xuân H1 có hành vi đánh bạc đơn thuần, nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, chỉ cần áp dụng Điều 35 của Bộ luật Hình sự xử phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo Lãnh Thị G, Triệu Xuân H1 là phù hợp.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Qua xét hỏi các bị cáo đều khẳng định, việc mua và bán số lô, đề chỉ nhắn tin và thông báo bằng điện thoại còn người mua số lô, đề chưa đưa tiền cho người bán. Người bán số lô, đề cũng khẳng định chưa nhận được tiền và cũng chưa trả thưởng đối với các số lô, đề trúng thưởng cho người mua. Cuối ngày chỉ thông báo chốt số tiền đánh của người mua, số tiền trả thưởng của người bán lô, đề với các số trúng thưởng, còn chưa trả tiền cho nhau. Do vậy xác định cần truy thu số tiền các bị cáo đã tham gia đánh bạc và tổ chức đánh bạc. Cụ thể:

Truy thu bị cáo Hoàng Văn T số tiền 24. 180.000đ (Hai mươi tư triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng) là tiền trả thưởng thắng bị cáo T chưa trả cho người đánh.

Truy thu bị cáo Trần Thị Na s tiền: 52.720.000đ (Năm mươi hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) là tiền đánh bạc bị cáo N chưa trả cho người bán.

Truy thu bị cáo Triệu Xuân H1 số tiền đánh bạc: 10.250.000đ (Mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền đánh bạc.

Truy thu bị cáo Lãnh Thị G số tiền đánh bạc: 26.580.000đ (Hai mươi sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) là tiền đánh bạc.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Hoàng Văn T và Trần Thị N tổ chức đánh bạc nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Các bị cáo Triệu Xuân H1, Lãnh Thị G do hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng:

* Lưu theo hồ sơ vụ án các tài liệu:

- 01 quyển vở ô ly nhãn hiệu Hải Tiến (tạm giữ của Hoàng Văn T);
- 01 quyển sổ hình chữ nhật, dưới góc phải ngoài bìa có dòng chữ “SỔ QUÀ TẶNG GIFT A6/200TR” (tạm giữ của Hoàng Văn T);
- 01 quyển sổ hình chữ nhật, dưới góc phải ngoài bìa có dòng chữ “Reward 320 trang MS3347” (tạm giữ của Hoàng Văn T);
- 01 quyển sổ hình chữ nhật, ngoài bìa có dòng chữ “Composition Book A4 Ms:899” (tạm giữ của Hoàng Văn T);

* Tịch thu hóa giá sung quỹ vật chứng các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone XS, màu đen, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong gắn sim số điện thoại 0394.902.382 (tạm giữ của Hoàng Văn T);
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Promax, màu vàng đồng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong gắn sim số điện thoại 0979.486.556 (tạm giữ của Hoàng Văn T);
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J4, màu đen, màn hình cảm ứng, màn hình bên phải bị nứt vỡ một phần, đã qua sử dụng, bên trong gắn 01 sim chưa xác định số điện thoại (tạm giữ của Hoàng Văn T);
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 Promax, màu xanh, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0984.194.158 (tạm giữ của Triệu Xuân H1);
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J7, màu vàng đồng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0382.985.890 (tạm giữ của Trần Thị N);
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A04, màu xanh dương, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0973.953.070 (tạm giữ của Lãnh Thị G).

* Các vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội song cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A04, màu hồng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0363.728.835 (tạm giữ của Trần Thị N);

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A73, màu xanh, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0912.748.788 (tạm giữ của Lãnh Thị G) ;

- Số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo 02 (hai) biên lai: biên lai số 0000585 ngày 08 tháng 5 năm 2024 bị cáo Trần Thị N nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn và biên lai số 0000165 ngày 07 tháng 8 năm 2024 do bị cáo Trần Thị N nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Trần Thị Na .

- Số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo 01 (một) biên lai: biên lai số 0000176 ngày 23 tháng 9 năm 2024 bị cáo Lãnh Thị G nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Lãnh Thị G.

* Vật chứng thu giữ xác định của người nhà bị cáo Trần Thị N không liên quan đến việc phạm tội trả lại cho bị cáo:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A50, màu xanh, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0915.515.521 (tạm giữ của Trần Thị N);

* Các vật chứng không có giá trị sử dụng như các dụng cụ để đánh bạc, cần tịch thu tiêu hủy.

- 03 tờ giấy A4 có các dòng kẻ có nhiều chữ và số viết tay (tạm giữ của Hoàng Văn T);

- 01 tờ giấy đôi có các dòng kẻ ô ly, có nhiều chữ và số viết tay (tạm giữ của Hoàng Văn T);

- 01 bút bi nhãn hiệu deli, màu xám đen, mực màu đen (tạm giữ của Hoàng Văn T);

* Số tiền thu trên người của các bị cáo gồm:

- 27.050.000đ (hai mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tạm giữ của bị cáo Hoàng Văn T không dùng vào việc đánh bạc xác định là tài sản chung của bị cáo Hoàng Văn T và vợ là Lý Thị Thanh T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lý Thị Thanh T1 đề nghị tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Hoàng Văn T, xét thấy đề nghị là phù hợp vì vậy HĐXX chấp nhận tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo T số tiền 27.050.000đ (hai mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) tạm giữ của bị cáo Trần Thị N không dùng vào việc đánh bạc cần tạm giữ để thi hành án cho bị cáo Trần Thị Na .

- Tiếp tục phong tỏa tài khoản 39510000327521 của Trần Thị N tại ngân H6 chi nhánh tỉnh Bắc Kạn, số tiền 1.962.389 đồng (một triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm tám mươi chín đồng) để đảm bảo thi hành án.

- Tiếp tục phong tỏa tài khoản 109867513106 của Hoàng Văn T tại N6 chi nhánh tỉnh Bắc Kạn, số tiền 37.720.340đ (ba mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi nghìn ba trăm bốn mươi đồng) để đảm bảo thi hành án.

[9] Trong vụ án còn có:

1. Đối với nội dung bị cáo Trần Thị N khai nhận trong ngày 26/5/2023 và nhiều ngày trước đó, bản thân N được sử dụng số điện thoại di động 0382.985.890 của mình để mua các số lô, số đề với số điện thoại 0522.460.585 của bà Đặng Thị H2, sinh năm 1965, HKTT tại tổ H, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; tạm trú tại tổ E, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Toàn bộ các số đề bị cáo Na nhận từ bị cáo Lãnh Thị G đều chuyển cho bà Đặng Thị H2.

Quá trình điều tra xác định: căn cứ kết quả kiểm tra dữ liệu điện thoại, kết quả giám định phục hồi dữ liệu điện thoại của bị cáo Trần Thị N phát hiện nhiều nội dung tin nhắn chứa nội dung nghi vấn mua bán số lô, số đề giữa số điện thoại 0382.985.890 của bị cáo Trần Thị N với số điện thoại 0522.460.585. Kết quả kiểm tra các sao kê giao dịch tài khoản ngân hàng của bị cáo Trần Thị N và bà Đặng Thị H2 phát hiện nhiều giao dịch tiền với nhau nhưng không ghi nội dung cụ thể.

Đặng Thị H2 không thừa nhận việc đánh bạc với bị cáo N, Cơ quan điều tra đã tiến hành các hoạt động điều tra đối với bà Đặng Thị H2: Khám xét, ghi lời khai, đối chất, sao kê tài khoản ngân hàng, đề nghị các đơn vị viễn thông cung cấp thông tin thuê bao và xác minh các nội dung liên quan.... Đến nay ngoài lời khai của bị cáo Trần Thị N thì Cơ quan điều tra không thu giữ được tài liệu, chứng cứ, vật chứng khác (các thẻ sim, điện thoại di động, sổ sách ghi chép...) không có đủ căn cứ vững chắc chứng minh bà Đặng Thị H2 thực hiện hành vi “Đánh bạc” với bị cáo Trần Thị N như lời khai của bị cáo N; đối với các giao dịch chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng, bà Đặng Thị H2 trình bày là tiền bị cáo N nhờ mua thuốc giảm cân và thực phẩm chức năng, tiền vay mượn giữa hai bên, không liên quan đến hoạt động mua bán số lô, số đề. Do đó, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xem xét xử lý trách nhiệm đối với bà Đặng Thị H2.

2. Đối với nội dung bị cáo Trần Thị N trình bày vào ngày 26/5/2023 và nhiều ngày trước đó, bản thân N được sử dụng số điện thoại di động 0382.985.890 của mình để mua các số lô, số đề với số điện thoại 0332.460.795 của bà Hoàng Thị L, sinh năm 1968, trú tại tổ E, phường S, thành phố B, tỉnh

Bắc Kạn. Quá trình mua bán số lô, số đề với Hoàng Thị L thì con trai bà L là Phùng Văn T5, sinh năm 1997, trú tại tổ E, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thường xuyên đến nhà bị cáo N để lấy tiền thắng lô, đề. Buổi chiều ngày 26/5/2023, bị cáo Trần Thị N có bảo bà Hoàng Thị L chuyển số tiền thắng lô, đề là 25.000.000đ (*hai mươi lăm triệu đồng*) của bị cáo N đến số tài khoản ngân hàng B3 số 39510000391827 của Nguyễn Huyền T7 là con gái N. Quá trình điều tra xác định:

Trên cơ sở kết quả kiểm tra dữ liệu điện thoại, kết quả giám định phục hồi dữ liệu điện thoại của bị cáo Trần Thị N phát hiện nhiều nội dung tin nhắn chứa nội dung nghi vấn mua bán số lô, số đề giữa số điện thoại 0382.985.890 của bị cáo Trần Thị N với số điện thoại 0332.460.795.

Kết quả kiểm tra sao kê giao dịch tài khoản ngân hàng B3 số 39510000391827 của chị Nguyễn Huyền T7, sinh năm 2004, trú tại tổ H, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (con gái bị cáo Trần Thị N) phát hiện vào hồi 16 giờ 22 phút ngày 26/5/2023, tài khoản của T7 nhận số tiền 25.000.000đ (*hai mươi lăm triệu đồng*) từ tài khoản ngân hàng A1 số 8600205180152 mang tên chủ tài khoản Phùng Văn T5, sinh năm 1997, trú tại tổ E, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Tại Cơ quan điều tra, Phùng Văn T5 khai nhận có được đăng ký sử dụng tài khoản ngân hàng A1 số 8600205180152, tuy nhiên đã cho anh trai ruột là Phùng Văn T8, sinh năm 1989, trú tại tổ E, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn sử dụng. Phùng Văn T8 khai nhận bản thân có được sử dụng số tài khoản ngân hàng A1 số 8600205180152, tuy nhiên đối với số tiền 25.000.000đ (*hai mươi lăm triệu đồng*) chuyển đến tài khoản của Nguyễn Huyền T7 vào ngày 26/5/2023 thì T8 được một người phụ nữ không quen biết nhờ chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng để lấy tiền mặt, sau khi chuyển thì được trả tiền phí.

Cơ quan điều tra đã tiến hành các hoạt động điều tra đối với bà Hoàng Thị L cùng 02 con trai là Phùng Văn T8 và Phùng Văn T5: Khám xét, ghi lời khai, đối chất, sao kê tài khoản ngân hàng, đề nghị các đơn vị viễn thông cung cấp thông tin thuê bao và xác minh các nội dung liên quan.... Đến nay ngoài lời khai của bị cáo Trần Thị N thì Cơ quan điều tra không thu giữ được tài liệu, chứng cứ, vật chứng khác (các thẻ sim, điện thoại di động, sổ sách ghi chép...), Hoàng Thị L, Phùng Văn T8, Phùng Văn T5 không thừa nhận hành vi đánh bạc với Trần Thị N, nên không đủ căn cứ vững chắc chứng minh bà Hoàng Thị L, Phùng Văn T8, Phùng Văn T5 thực hiện hành vi “Đánh bạc” với bị cáo Trần Thị N trong ngày 26/5/2023 và các ngày trước đó. Do đó, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xem xét xử lý trách nhiệm đối với bà Hoàng Thị L, Phùng Văn T8, Phùng Văn T5.

3. Đối với nội dung bị cáo Hoàng Văn T trình bày vào ngày 26/5/2023 và nhiều ngày trước đó, bản thân T được sử dụng số điện thoại di động 0394.902.382 của mình để bán các số lô, số đề với số điện thoại 0867.073.484 và 0357.491.633 của bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1964, trú tại tổ H, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét, ghi lời khai, đối chất, sao kê tài khoản ngân hàng, đề nghị các đơn vị viễn thông cung cấp thông tin thuê bao và xác minh các nội dung liên quan.... Đến nay ngoài lời khai của bị cáo Hoàng Văn T thì Cơ quan điều tra không thu giữ được tài liệu, chứng cứ, vật chứng khác (các thẻ sim, điện thoại di động, sổ sách ghi chép...) chứng minh bà Nguyễn Thị X thực hiện hành vi “Đánh bạc” với bị cáo Hoàng Văn T trong ngày 26/5/2023 và các ngày trước đó. Do đó, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xem xét xử lý trách nhiệm đối với bà Nguyễn Thị X.

4. Đối với nội dung bị cáo Hoàng Văn T trình bày vào ngày 26/5/2023 và nhiều ngày trước đó, bản thân T sau khi nhận các tin nhắn mua các số lô, số đề của những người khác thì T chuyển toàn bộ các số lô, số đề cho một người đàn ông không rõ lai lịch chỉ biết tên D1 ở Thái Nguyên sử dụng số điện thoại 0852.077.369 và 0862.255.562 cùng tài khoản Ngân hàng TMCP H5 số 24086011120762 mang tên “PHAM PHU DUNG”, nhà ở thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình điều tra xác định: ông Phạm Phú D2, sinh năm 1964, trú tại tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên là chủ tài khoản Ngân hàng TMCP H5 số 24086011120762. Tại Cơ quan điều tra, ông Phạm Phú D2 xác nhận có được đăng ký và sử dụng tài khoản Ngân hàng TMCP H5 số 24086011120762 cùng số điện thoại 0862.255.562, tuy nhiên đã bị mất tài khoản ngân hàng cùng số điện thoại trên từ khoảng giữa năm 2022; bản thân ông D2 từ trước đến nay không quen biết và không được thực hiện hành vi mua bán số lô, số đề với Hoàng Văn T.

Ngoài lời khai của bị cáo Hoàng Văn T thì Cơ quan điều tra không thu giữ được tài liệu, chứng cứ, vật chứng khác (các thẻ sim, điện thoại di động, sổ sách ghi chép...) chứng minh ông Phạm Phú D2 được thực hiện hành vi “Đánh bạc” với bị cáo Hoàng Văn T trong ngày 26/5/2023 và các ngày trước đó. Do đó, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xem xét xử lý trách nhiệm đối với ông Phạm Phú D2.

5. Ngoài hành vi đánh bạc của Hoàng Văn T và Triệu Xuân H1 các ngày 20/5/2023, 24/5/2023, 25/5/2023 đã bị khởi tố, Hoàng Văn T còn đánh bạc với Triệu Xuân H1 bằng hình thức mua bán số đề, số lô các ngày 13/5/2023, 14/5/2023, 15/5/2023, 16/5/2023, 17/5/2023, 18/5/2023, 19/5/2023, 21/5/2023, 22/5/2023, 23/5/2023. Quá trình điều tra xác định số tiền đánh bạc đều dưới 5.000.000đ, T, H1 chưa có tiền án tiền sự nên không đủ yếu tố cấu thành tội

phạm “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B đã chuyển các tài liệu liên quan đến Phòng C6 Công an tỉnh B để xử lý vi phạm hành chính đối với Hoàng Văn T và Triệu Xuân H1 là đúng quy định.

6. Đối với hành vi đánh bạc của Lãnh Thị G với Hà Thị N4 (tên gọi khác Hà Thị C3), sinh năm 1971, trú tại tổ F, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, các ngày cụ thể:

- Ngày 11/5/2023: tổng số tiền đánh bạc là 690.000đ (*sáu trăm chín mươi nghìn đồng*);

- Ngày 14/5/2023: tổng số tiền đánh bạc là 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*);

- Ngày 16/5/2023: tổng số tiền đánh bạc là 270.000đ (*hai trăm bảy mươi nghìn đồng*);

- Ngày 17/5/2023: tổng số tiền đánh bạc là 470.000đ (*bốn trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Quá trình điều tra xác định số tiền đánh bạc giữa Lãnh Thị G và Hà Thị N4 các ngày đều dưới 5.000.000đ (*năm triệu đồng*), đều chưa có tiền án tiền sự nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B đã chuyển các tài liệu liên quan đến Phòng C6 Công an tỉnh B để xử lý vi phạm hành chính đối với Lãnh Thị G và Hà Thị N4 là đúng quy định.

7. Đối với Hoàng Thị C4, sinh năm 1966, HKTT tại tổ I, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; chỗ ở tại thôn N, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình điều tra xác định:

- Ngày 01/5/2023: Hoàng Thị C4 sử dụng số điện thoại di động 0919.985.260 đánh bạc bằng hình thức nhắn tin đến số điện thoại 0363.728.835 của bị cáo Trần Thị N để mua các số đề với tổng số tiền là 720.000đ (*bảy trăm hai mươi nghìn đồng*).

- Ngày 25/5/2023: Hoàng Thị C4 sử dụng số điện thoại di động 0973.125.666 của mình để nhận tin nhắn mua số lô, số đề từ số điện thoại 0835.599.668 của bà Lành Thị L1, sinh năm 1962, trú tại tổ H, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn với tổng số tiền (bao gồm cả tiền chơi và tiền trúng thưởng) là 955.000đ (*chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

- Ngày 13/4/2023 và ngày 11/5/2023: Bà Lâm Thị H3, sinh năm 1971, trú tại tổ H, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn nhắn tin qua mạng xã hội Zalo nhờ Hoàng Thị C4 mua hộ vé xổ số lô tô, mỗi lần mua đều với số tiền là 20.000đ (*hai mươi nghìn đồng*). Cả 02 lần trên, Hoàng Thị C4 đều tự ý giữ lại các số đề, nếu bà H3 trúng thưởng, C4 sẽ trực tiếp trả thưởng cho bà H3, nếu bà H3 không trúng thưởng thì C4 sẽ được hưởng lợi số tiền bà H3 nhờ C4 mua xổ

số. Cả 02 lần trên, bà H3 đều không trúng thưởng và C4 được hưởng lợi tổng số tiền 40.000đ (*bốn mươi nghìn đồng*).

Hành vi mua số đề của Hoàng Thị C4 với bị cáo Trần Thị N vào ngày 01/5/2023; hành vi nhận mua số lô, số đề và tự mình trả thưởng của Hoàng Thị C4 với Lành Thị L1 vào ngày 25/5/2023; hành vi nhận mua các con số xổ số của Hoàng Thị C4 với Lâm Thị H3 vào ngày 13/4/2023 và 11/5/2023 thực hiện là độc lập, không có yếu tố đồng phạm với các bị cáo trong vụ án; số tiền đánh bạc của những người này đều dưới 5.000.000đ (*năm triệu đồng*), đều chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, hành vi không đủ yếu tố cấu thành tội phạm tội “Đánh bạc”, quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật hình sự. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B đã chuyển các tài liệu liên quan đến Phòng C6 Công an tỉnh B để xử lý vi phạm hành chính đối với Hoàng Thị C4, Trần Thị N, Lành Thị L1, Lâm Thị H3 là đúng quy định.

8. Đối với Phạm Hữu T9, sinh năm 1966, trú tại tổ I, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình điều tra xác định: Ngày 26/5/2023, Phạm Hữu T9 đã nhận tin nhắn để bán các số lô, số đề cho những người sau:

- Phạm Hữu T9 sử dụng số điện thoại di động 0399.704.048 để nhận tin nhắn mua các số đề từ số điện thoại 0983.129.516 của ông Nông Văn D3, sinh năm 1959, trú tại tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn với tổng số tiền mua các số đề là 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*), ông D3 không trúng thưởng. Theo lời trình bày của ông Nông Văn D3, do biết Phạm Hữu T9 là đại lý của công ty xổ số nên nhắn tin nhờ mua các vé xổ số theo quy định của Nhà nước.

- Phạm Hữu T9 sử dụng số điện thoại di động 0399.704.048 để nhận tin nhắn mua các số đề từ số điện thoại 0375.443.092 của ông Lê Văn B1, sinh năm 1981, trú tại tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn với tổng số tiền mua các số đề là 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*), ông B1 không trúng thưởng.

- Phạm Hữu T9 sử dụng số điện thoại di động 0399.704.048 để nhận tin nhắn mua các số đề từ số điện thoại 0978.015.566 của bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1966, trú tại tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn với tổng số tiền mua các số đề là 2.060.000đ (*hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*), bà P không trúng thưởng.

- Phạm Hữu T9 sử dụng số điện thoại di động 0387.504.921 để nhận tin nhắn mua các số lô, số đề từ số điện thoại 0855.315.283 của ông Hoàng Tuấn A, sinh năm 1967, trú tại tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn với tổng số tiền mua các số lô, số đề là 710.000đ (*bảy trăm mười nghìn đồng*), ông Tuấn A không trúng thưởng. Theo lời trình bày của ông Hoàng Tuấn A, do biết Phạm Hữu T9 là đại lý của công ty xổ số nên nhắn tin nhờ mua các vé xổ số theo quy định của Nhà nước.

Tổng số tiền Phạm Hữu T9 bán các số lô, số đề cho Nông Văn D3, Lê Văn B1, Nguyễn Thị P, Hoàng Tuấn A vào ngày 26/5/2023 là 3.770.000đ (*ba triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Hành vi của Phạm Hữu T9, Nông Văn D3, Hoàng Tuấn A, Lê Văn B1, Nguyễn Thị P vào ngày 26/5/2023 thực hiện là độc lập, không có yếu tố đồng phạm với các bị cáo trong vụ án; số tiền đánh bạc của những người này đều dưới 5.000.000đ (*năm triệu đồng*), đều chưa có tiền án, tiền sự nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm tội “Đánh bạc”, quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật hình sự. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B đã chuyển các tài liệu liên quan đến Phòng C6 Công an tỉnh B để xử lý vi phạm hành chính là đúng quy định.

- Quá trình điều tra Phạm Hữu T9 khai nhận trong ngày 26/5/2023 còn được sử dụng số điện thoại di động 0387.504.921 để nhận tin nhắn mua các số lô, số đề từ số điện thoại 0379.202.759 của một người đàn ông tên T5, nhà ở xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn với tổng số tiền mua các số lô, số đề là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), ông T5 không trúng thưởng. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn không xác định được lai lịch của người đàn ông tên T5. Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xem xét xử lý trách nhiệm đối với ông Phạm Hữu T9.

- Quá trình điều tra xác định ngày 26/5/2023 Phạm Hữu T9 sử dụng số điện thoại di động 0399.704.048 của Trội nhắn tin mua các số lô, số đề đến số điện thoại 0339.845.755 của một người không biết lai lịch với số tiền mua các số lô là 4.270.000đ (*bốn triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*), tiền mua các số đề là 8.550.000đ (*tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*), trúng thưởng 30 điểm lô tương ứng số tiền 2.400.000đ (*hai triệu bốn trăm nghìn đồng*). Tổng số tiền đánh bạc của Phạm Hữu T9 với số điện thoại 0339.845.755 là 15.220.000đ (*mười lăm triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*). Phạm Hữu T9 khai người sử dụng số điện thoại 0339.845.755 mua bán số lô, số đề với T9 sử dụng tài khoản ngân hàng V2 số 102877427680 mang tên chủ tài khoản “TRAN ANH QUAN”.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và xác định chủ tài khoản Ngân hàng V2 số 102877427680 mang tên Trần Anh Q1, sinh năm 2000, trú tại tổ D, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Tại Cơ quan điều tra, Trần Anh Q1 trình bày khoảng năm 2020 được một người đàn ông giới thiệu tên P1, không rõ lai lịch địa chỉ nhờ Q1 đứng ra mở tài khoản Ngân hàng V2 số 102877427680. Sau khi Q1 mở được tài khoản ngân hàng thì cung cấp lại mã OTP cho người đàn ông này để người đàn ông này sử dụng thẻ ngân hàng trên và được trả công số tiền 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*). Bản thân Trần Anh Q1 từ trước đến nay không quen biết và không được thực hiện hành vi mua bán số lô, số đề trái phép với Phạm Hữu T9.

Ngoài lời khai của Phạm Hữu T9, không thu giữ được tài liệu, chứng cứ, vật chứng khác (các thẻ sim, điện thoại di động, sổ sách ghi chép...). Do đó, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xem xét xử lý trách nhiệm đối với Phạm Hữu T9.

- Đối với Nông Văn B2, sinh năm 1984, HKTT tại thôn P, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn: Nông Văn B2 khai nhận ngày 26/5/2023 được sử dụng tài khoản Zalo “Nông Văn B2” đăng ký từ số điện thoại 0946.097.255 nhắn tin đến tài khoản Zalo “Biển xanh” của Phạm Duy D4, sinh năm 1986, trú tại tổ G, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn để mua các số đề với tổng số tiền 110.000đ (một trăm mười nghìn đồng). Ngoài ra trước đây có được sử dụng số điện thoại 0946.097.255 nhắn tin mua số đề với Trần Thị N tuy nhiên không nhớ thời gian, các số đề và số tiền cụ thể. Quá trình điều tra Phạm Duy D4, khai nhận không được sử dụng tài khoản Zalo “Biển xanh”, không được mua bán các số đề với Nông Văn B2 vào ngày 26/5/2023. Ngoài lời khai của Nông Văn B2, Cơ quan điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ khác nên không đủ căn cứ xem xét xử lý Nông Văn B2 và Phạm Duy D4.

Đối với nội dung Nông Văn B2 sử dụng số điện thoại 0946.097.255 nhắn tin mua số đề với bị cáo Trần Thị Na . Quá trình điều tra xác định: Nông Văn B2 không nhớ thời gian, các số đề và số tiền cụ thể. Trần Thị N không khẳng định có được mua bán các số đề với Nông Văn B2 hay không, ngoài lời khai của Nông Văn B2, Cơ quan điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ khác nên không đủ căn cứ xem xét xử lý Nông Văn B2 và Trần Thị Na .

Ngoài ra, căn cứ kết quả kiểm tra dữ liệu điện thoại và dữ liệu phục hồi điện thoại của Nông Văn B2 phát hiện một số tin nhắn Zalo chứa nội dung nghi vấn mua bán số lô, số đề giữa tài khoản Zalo Nông Văn B2 với tài khoản “Lắng Tâm Thanh Tịnh” và tài khoản “Tóc Thu H4”. Quá trình điều tra Nông Văn B2 không xác định được các tài khoản Zalo trên là của ai. Cơ quan điều tra đã có văn bản gửi Công ty V3 đề nghị cung cấp thông tin về tài khoản Zalo “Lắng Tâm Thanh T10” và tài khoản “Tóc Thu H4” đến hết hạn thời hạn điều tra chưa có kết quả. Cơ quan điều tra đã chuyển các nội dung này đến Phòng C6 Công an tỉnh B để tiếp tục xác minh làm rõ.

- Đối với Phan Thị N5, sinh năm 1949, trú tại tổ I, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình điều tra N5 trình bày vào chiều ngày 26/5/2023 được sử dụng số điện thoại di động 0978.993.405 gọi đến số 0983.490.299 của bà Đào Thị T11, sinh năm 1952, trú tại tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn để nhờ mua hộ các số lô, số đề tuy nhiên do bà T11 bận việc nên nói không giúp được. Lời khai của bà Đào Thị T11 phù hợp với lời khai của bà Phan Thị N5, Cơ quan điều tra không em xét xử lý đối với bà Đào Thị T11 và Phan Thị N5 là đúng quy định.

- Quá trình khám xét nhà bà Đặng Thị H2, sinh năm 1965, tại tổ E, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn phát hiện 07 tờ giấy vay tiền các loại. Cơ quan điều tra tiến hành chuyển các tài liệu trên đến Phòng C6 Công an tỉnh B để tiếp tục xác minh, làm rõ.

- Trên cơ sở kết quả phục hồi dữ liệu có trong điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J7, mặt sau màu vàng, màn hình cảm ứng của bị cáo Trần Thị N, ngoài các số điện thoại đã được làm rõ còn phát hiện nhiều tin nhắn đến và đi giữa số điện thoại 0382.985.890 của bị cáo Trần Thị Na c nhiều nội dung nghi vấn liên quan đến hoạt động mua bán số lô, số đề với các số điện thoại: 01664.145.471, 0346.794.497, 0396.144.945, 0916.706.062, 0342.802.865, 0392.891.531, 0367.606.886, 0354.650.528, 0346.290.978, 0338.412.221, 0337.598.383, 0339.554.726, 0338.608.328, 0986.373.218, 0988.450.777, 0949.936.247, 0962.474.015, 0976.361.399, 0977.928.222, 0979.177.909, 0979.882.588, 0981.836.677, 0989.407.663, 01667.151.733, 0522.344.867, 0866.715.051, 0904.219.926, 0918.818.765, 0395.295.320, 0387.010.477, 0372.470.614, 0911.574.991.

Trên cơ sở kết quả phục hồi dữ liệu điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A4, màu hồng, màn hình cảm ứng của bị cáo Trần Thị N phát hiện nhiều tin nhắn đến và đi giữa số điện thoại 0363.728.835 của bị cáo Trần Thị Na c nhiều nội dung nghi vấn liên quan đến hoạt động mua bán số lô, số đề với các số điện thoại: 0399.498.128, 0338.608.328.

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Thị N khai nhận các tin nhắn trên đều là tin nhắn mua bán số lô, số đề giữa bị cáo Trần Thị N và những người khác. Do số lượng người giao dịch mua bán số lô, số đề với bị cáo Trần Thị N nhiều nên N không nhớ và không xác định được ai là người sử dụng các số điện thoại trên để mua bán số lô, số đề với N. Cơ quan điều tra đã có văn bản yêu cầu các nhà mạng Viettel, V1, M2 tra cứu cung cấp thông tin các số thuê bao trên, đến khi hết hạn thời hạn điều tra chưa có kết quả trả lời đầy đủ, một số nhà mạng có kết trả lời thông tin về các số thuê bao nhưng không đầy đủ, do đó không đủ căn cứ để xác minh làm rõ. Cơ quan điều tra chuyển các nội dung trên đến Phòng C6 Công an tỉnh B để tiếp tục xác minh là đúng quy định.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng điều luật, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng và án phí là phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo Trần Thị N (tên gọi khác: Trần Thị H) đã phạm tội “Đánh bạc” và tội “Tổ chức đánh bạc”; Bị cáo Triệu Xuân H1, Lãnh Thị G đã phạm tội “Đánh bạc”.

1.1 Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị N (Tên gọi khác: Trần Thị H) 09 (C5) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc" và 03 (Ba) tháng tù về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 27/5/2023 đến ngày 08/8/2023.

- Áp dụng khoản 3 Điều 322 Phạt bổ sung số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

1.3 Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lãnh Thị G 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

1.4 Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Triệu Xuân H1 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp những người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

Việc thi hành án khoản tiền phạt được áp dụng Điều 357 của Bộ luật Dân sự và Luật Thi hành án Dân sự.

2. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

* Lưu theo hồ sơ vụ án các tài liệu:

- 01 quyển vở ô ly nhãn hiệu Hải Tiến (tạm giữ của Hoàng Văn T);

- 01 quyển sổ hình chữ nhật, dưới góc phải ngoài bìa có dòng chữ “SỔ QUÀ TẶNG GIFT A6/200TR” (tạm giữ của Hoàng Văn T);

- 01 quyển sổ hình chữ nhật, dưới góc phải ngoài bìa có dòng chữ “Reward 320 trang MS3347” (tạm giữ của Hoàng Văn T);

- 01 quyển sổ hình chữ nhật, ngoài bìa có dòng chữ “Composition Book A4 Ms:899” (tạm giữ của Hoàng Văn T);

* Tịch thu hóa giá sung quỹ vật chứng các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone XS, màu đen, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong gắn sim số điện thoại 0394.902.382 (tạm giữ của Hoàng Văn T);

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Promax, màu vàng đồng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong gắn sim số điện thoại 0979.486.556 (tạm giữ của Hoàng Văn T);

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J4, màu đen, màn hình cảm ứng, màn hình bên phải bị nứt vỡ một phần, đã qua sử dụng, bên trong gắn 01 sim chưa xác định số điện thoại (tạm giữ của Hoàng Văn T);

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 Promax, màu xanh, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0984.194.158 (tạm giữ của Triệu Xuân H1);

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J7, màu vàng đồng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0382.985.890 (tạm giữ của Trần Thị N);

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A04, màu xanh dương, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0973.953.070 (tạm giữ của Lãnh Thị G).

* Các vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội song cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A04, màu hồng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0363.728.835 (tạm giữ của Trần Thị N);

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A73, màu xanh, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0912.748.788 (tạm giữ của Lãnh Thị G) ;

- Số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo 02 (hai) biên lai: biên lai số 0000585 ngày 08 tháng 5 năm 2024 bị cáo Trần Thị N nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn và biên lai số 0000165 ngày 07 tháng 8 năm 2024 do bị cáo Trần Thị N nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Trần Thị Na .

- Số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo 01 (một) biên lai: biên lai số 0000176 ngày 23 tháng 9 năm 2024 bị cáo Lãnh Thị G nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Lãnh Thị G.

* Vật chứng thu giữ xác định của người nhà bị cáo Trần Thị N không liên quan đến việc phạm tội trả lại cho bị cáo:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A50, màu xanh, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số điện thoại 0915.515.521 (tạm giữ của Trần Thị N);

* Các vật chứng không có giá trị sử dụng như các dụng cụ để đánh bạc, cần tịch thu tiêu hủy.

- 03 tờ giấy A4 có các dòng kẻ có nhiều chữ và số viết tay (tạm giữ của Hoàng Văn T);

- 01 tờ giấy đôi có các dòng kẻ ô ly, có nhiều chữ và số viết tay (tạm giữ của Hoàng Văn T);

- 01 bút bi nhãn hiệu deli, màu xám đen, mực màu đen (tạm giữ của Hoàng Văn T);

* Số tiền thu trên người của các bị cáo gồm:

- Số tiền 27.050.000đ (hai mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tạm giữ của bị cáo Hoàng Văn T không dùng vào việc đánh bạc xác định là tài sản chung của bị cáo Hoàng Văn T và vợ là Lý Thị Thanh T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lý Thị Thanh T1 đề nghị tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Hoàng Văn T, xét thấy đề nghị là phù hợp vì vậy HĐXX chấp nhận tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo T số tiền 27.050.000đ (hai mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) tạm giữ của bị cáo Trần Thị N không dùng vào việc đánh bạc cần tạm giữ để thi hành án cho bị cáo Trần Thị Na .

- Tiếp tục phong tỏa tài khoản 39510000327521 của Trần Thị N tại ngân hàng H6 chi nhánh tỉnh Bắc Kạn, số tiền 1.962.389 đồng (một triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm tám mươi chín đồng) để đảm bảo thi hành án.

- Tiếp tục phong tỏa tài khoản 109867513106 của Hoàng Văn T tại N6 chi nhánh tỉnh Bắc Kạn, số tiền 37.720.340đ (ba mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi nghìn ba trăm bốn mươi đồng) để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh B và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn).

3. Áp dụng biện pháp tư pháp:

Truy thu số tiền đối với các bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước.;

Truy thu bị cáo Hoàng Văn T số tiền 24. 180.000đ (Hai mươi tư triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng).

Truy thu bị cáo Trần Thị Na s tiền: 52.720.000đ (Năm mươi hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Truy thu bị cáo Triệu Xuân H1 số tiền đánh bạc: 10.250.000đ (Mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Truy thu bị cáo Lãnh Thị G số tiền đánh bạc: 26.580.000đ (Hai mươi sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

4. Án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Hoàng Văn T, Trần Thị N, Triệu Xuân H1, Lãnh Thị G mỗi người phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1;
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Phòng Hình sự Công an tỉnh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- THAHS;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Quang Huy

